

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ

SECURITY SERVICE AGREEMENT

Số/No:

Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ (sau đây gọi là “Hợp đồng”) được lập và ký ngày ... tháng ... năm

This contract (herein after referred to as “Contract”) is made and entered into on [date/month/year] by and between:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A)

THE SERVICE USER (PARTY A)

- Mã số đăng ký kinh doanh:

Business registration number:

- Trụ sở

Head office:

- Đại diện bởi:

Represented by:

- Chức vụ

Position:

VÀ/AND

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B)

THE SERVICE PROVIDER (PARTY B)

- Mã số đăng ký kinh doanh:

Business registration number:

- Trụ sở

Head office:

- Đại diện bởi:

Represented by:

- Chức vụ

Position:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

ARTICLE 1: CONTENT

1. Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ bảo vệ tại khu vực của Bên A.

Party B agrees to provide security service for Party A:

Địa chỉ

Address:

Thời hạn hợp đồng

Term of contract:

Thời gian bảo vệ:

Protection time:

Việc bảo vệ hằng ngày được chia thành 3 ca như sau:

The daily protection is divided into three shifts as follows:

- Ca 1/ Shift 1: từ/ from.... đến/ to..... bảo vệ ...Security personnels
- Ca 2: Shift 2 từ/ from..... đến/ to.....bảo vệ ...Security personnels
- Ca 3/ Shift 3 : từ/ from... đến/ to..... bảo vệ/Security personnels

2. Để thực hiện, bên B cử.....nhân viên bảo vệ chuyên nghiệp, đã được huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn và đủ điều kiện như sau

Party B must appoint.....professional security personnels professionally trained and got qualified as follows:

- a) Lý lịch rõ ràng, không có tiền án tiền sự, có đạo đức nghề nghiệp;

- To got Clear background, no Criminal record, professional ethics*
- b) Các kỹ năng giám sát cơ bản;
To got basic supervisory skills
- c) Có nghiệp vụ ứng phó trong tình huống khẩn cấp;
To got professional response in emergency situations
- d) Có nghiệp vụ cấp cứu, phòng cháy, chữa cháy;
To got Emergency professional, fire professional
- e) Được huấn luyện về võ thuật, cách sử dụng công cụ hỗ trợ (đèn pin, bộ đàm, sổ sách ...);
Training in Martial arts, how to use the support tools (flashlight, radio, documents, ...)
- f) Được huấn luyện đầy đủ về nghiệp vụ bảo vệ an ninh theo tiêu chuẩn (nếu có);
To fully trained Security protection professional according to standard (if any)
3. Số lượng vị trí bảo vệ có thể sẽ được xem xét và điều chỉnh để phục vụ tốt hơn mục tiêu đề ra
Number of security personnel position can be considered and adjusted to better serve objectives set out.

ĐIỀU 2: PHÍ DỊCH VỤ, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 2: SERVICE FEE, TIME AND PAYMENT METHOD

1. Phí dịch vụ/ Service fee Bên A có nghĩa thanh toán cho Bên B một khoản phí cố định là....đồng/ tháng.
Party A shall pay a fixed amount fee VND/ month
2. Phương thức thanh toán
Payment method:
- Tất cả việc thanh toán của giữa các bên sẽ được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng Đồng Việt Nam (theo tỷ giá chuyển khoản được công bố của Ngân Hàng vào ngày thanh toán) vào tài khoản ngân hàng của Bên B như sau

Payment shall be made by cash or wire transfer in Vietnam Dong (at the foreign exchange rates posted by [name of bank] at the payment date) to the bank account of Party B with following details:

Số tài khoản:

Bank account number:

Mở tại:

Opened at:

Bên thụ hưởng

Beneficiary:

- Bên B sẽ gửi thông báo thu phí cho bên A (qua đường bưu điện hoặc Email, Fax) vào ngày 01 đến ngày 03 hàng tháng, Bên A có trách nhiệm thanh toán chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày nhận thông báo thu phí của Bên B. Khi bên A thanh toán xong phí dịch vụ, bên B sẽ xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

Party B will notify party A for their fee (by post, Fax or Email) on July 1st to July 3rd of every month, party A is responsible for paying in 5 days at the latest since receipting of the party B's notice. When Party A complete payment service fee, party B will export the financial invoice for the party A.

- Nếu Bên A không thanh toán đúng hạn, gây thiệt hại và ảnh hưởng kế hoạch kinh doanh của bên A thì phạt vi phạm hợp đồng tính bằng 0.5%/ngày

If Party A does not pay on time, causing damage and influence on business planning of party A shall penalize for breach of contract by 0.5 percent per day.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN BẢO VỆ

ARTICLE: OBLIGATIONS OF SECURITY PERSONNEL

Nhân viên bảo vệ của bên B có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

Security personnel of party B shall perform the following tasks:

- Chấp hành nghiêm mọi quy định, nội quy của Công ty và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan;
Strictly abide by regulations and rules of the Company and full compliance with the relevant legal regulations.
- Bảo vệ an toàn các trang thiết bị, tài sản của bên A;
Safety protect of the equipment, the property of party A
- Chỉ cho phép những người có nhận sự vào - ra khu vực Công ty theo hướng dẫn của bên A;
Only allow people who have orthopaedic in-out public sector company under the guidance of party A
- Kiểm tra và phát hiện các hành vi hủy hoại, trộm cắp tài sản của Công ty. Ngăn chặn kịp thời và báo ngay cho bên A về những hành động phá rối, hành vi vi phạm pháp luật xảy ra tại Công ty;
To check and detect destructive acts, theft of company's property. Timely prevent and notify to party A about violations of the Laws occurred at the company.
- Được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ và những công cụ hỗ trợ để kiểm tra các loại phương tiện của nhân viên ra vào Công ty theo hướng dẫn của bên;

- Used professional methods and supporting tools to check the media of employees in the company according to party A.*
6. Chủ động giải quyết các tình huống xảy ra trong và ngoài thời gian làm việc nhằm mục đích bảo đảm an toàn cho Bên A đồng thời báo cáo ngay cho lãnh đạo của Bên A (theo địa chỉ trong phần chú thích của hợp đồng);
Proactively resolve the situations happening at work in order to ensuring safety for A Party. Reporting to the leader of A Party (according to address in the note bellow).
7. Lập và ghi chép chính xác, đầy đủ số trực, biên bản giao ca hàng ngày;
Making Exactly, fully and recording documents about daily protection.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A ARTICLE:

RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY A

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện công việc của mình;
In order to facilitate Party B in legal service.
2. Bên A thừa nhận rằng hợp đồng này chỉ thực hiện Dịch Vụ Bảo Vệ và không phải là một hợp đồng Bảo Hiểm;
Party A admits that this contract perform security services, which is not insurance contract.
3. Trong thời gian bên B thực hiện nhiệm vụ, bên A chỉ định một đại diện có trách nhiệm để tiếp nhận những yêu cầu và báo cáo của bên B liên quan đến an ninh của Công ty;
When Party B perform missions, the party A shall appoint a spokesman who is responsible for receiving the request and the statement of party B relating to the security of the company
4. Có trách nhiệm thông báo cho bên B bằng miệng hay bằng văn bản về bất cứ mối nguy hiểm nào của nhân viên bảo vệ bên B mà bên A xét thấy có khả năng đe dọa hay làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh tại Công ty của bên;
Shall inform to party B by orally or in writing about Party B's security personnel who can threaten or affect the security of party A.
5. Bên A sẽ hỗ trợ những yêu cầu của bảo vệ bên B nhằm cải thiện hoặc thực thi những biện pháp an ninh tại Công ty;
Party A will support the requirements of party B in order to perform protection
6. Bên A phải trả cho Bên B phí dịch vụ như được qui định tại Điều 2;
Party A shall pay service fee to Party B as agreed in Article 2
7. Các quyền và nghĩa vụ khác của bên thuê dịch vụ theo qui định của pháp luật;
The other rights and obligations of the service user as required by the Laws.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

ARTICLE: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY B

1. Chỉ định một người đại diện để làm việc với bên A. Liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp nhân viên của mình có hành vi trái pháp luật, thiếu trách nhiệm, gây thiệt hại cho bên A;
To appoint a spokesman Working with the party A, jointly bearing responsibility in case their employees behaving illegally, irresponsibly, causing damage to the A.
2. Trang bị đồng phục, trang thiết bị bảo vệ cần thiết cho lực lượng bảo vệ của mình trong quá trình làm nhiệm vụ;
The Security personnels Shall be supplied with uniforms and essentially protective equipment in the process of doing the task.
3. Luôn bố trí đầy đủ số lượng nhân viên bảo vệ trong toàn bộ thời gian đảm nhiệm công việc (kể cả việc chuẩn bị, bố trí nhân viên dự phòng, kịp thời bổ sung, hỗ trợ trong trường hợp cần thiết);
Always fully arrange number of security personnels in the entire time to undertake the work (including preparation, staffing redundancy, promptly adding and support in case of needing).
4. Giao tiếp với cán bộ công nhân viên và khách của Công ty với phong cách lịch thiệp. Nỗ lực duy trì mối quan hệ tốt trong khu vực địa phương và trong Công ty
To communicate with staffs and guests of the Company with polite behavior. To effort to maintain good relations in the local area and in the Company.
5. Có trách nhiệm bảo vệ an ninh trật tự trong phạm vi khu vực Công ty;
To have responsibility to protect security in the area of the Company
6. Thường xuyên, kịp thời báo cáo cho bên A những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ của mình, những tai nạn, rủi ro hoặc sự việc bất thường diễn ra trong khu vực Công ty. Có trách nhiệm báo cáo cho bên A về mọi vấn đề liên quan khi được yêu cầu;
Frequently, timely shall report related issues, accidents, risks or unusual matters taking place in the area of the company to party A. Shall report any related issues when requested by party A.
7. Chịu trách nhiệm đối với các khoản thuế, bảo hiểm, các phúc lợi xã hội theo pháp luật lao động đối với nhân viên của mình được bổ nhiệm làm nhiệm vụ tại Công ty của bên A;
To Responsible for taxes, insurance, social benefits under labor law for their staffs appointed in the company of party A.
8. Cung cấp kịp thời lực lượng hỗ trợ khi được bên A yêu cầu. Việc thay đổi nhân viên không đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ phải báo trước bằng văn bản và chỉ được thay khi có sự đồng ý của bên A

To timely supply assistance force when the party A requirements. The change in security personnel who did not meet business requirements must prior notice in writing when having the approval of Party A

9. Các quyền và nghĩa vụ khác của bên cung ứng dịch vụ theo qui định của pháp luật;
The Rights and obligations of service providers as required by the Laws
10. Có trách nhiệm gìn giữ bí mật sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Bên B;
To have a responsibility to preserve business secrets and other activities of the Party B.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA BÊN B

ARTICLE 6: RESPONSIBILITIES OF COMPENSATION OF PARTY B

Nguyên tắc/ The principle:

1. Đối với những tổn thất, mất mát tài sản của Bên A trong phạm vi khu vực bảo vệ của Bên B (vào thời điểm Bên B bảo vệ) có nguyên nhân từ những hành vi đột nhập từ bên ngoài vào khu vực bảo vệ của Bên A thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại bằng tiền mặt cho Bên A;
While protecting if there are behavioral intrusion from outside the protection damage property of Party A within the protected area of Party B, Party B shall be liable to pay damages in cash to Party A
2. Đối với những tổn thất, mất mát tài sản Bên A trong phạm vi cơ sở của Bên A do những nguyên nhân an ninh khác (không đề cập ở phần trên) gây ra thì dựa trên cơ sở xác định lỗi và mức độ thiệt hại làm căn cứ bồi thường;
In case the other security reasons damage property of Party A (not mentioned above), shall base on identified errors and the extent of damage as a basis for compensation.
3. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại nêu trên khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:
Party B shall be responsible for compensation for the damage to Party A if there are the following conditions:
 - a. Tài sản bị mất phải được bàn giao giữa hai bên thông qua việc niêm phong tài sản hoặc kiểm đếm cụ thể để bàn giao tài sản đó/ The lost property shall be handed over between the two party through the sealing properties or specific tally to hand over such property
 - b. Khẳng định Bên B có lỗi dựa trên kết quả điều tra mà hai bên lập và cùng nhau thống nhất hoặc đó là kết quả điều tra được ghi trong biên bản hai bên lập và cùng nhau thống nhất hoặc đó là kết quả điều tra được ghi trong biên bản điều tra do cơ quan cấp quận, huyện trở lên thuộc ngành Công An của Việt Nam lập Party B is confirmed guilty based on the survey results that the two sides establish and

- jointly agreed or that the survey results are recorded in the minutes of the two sides set up and jointly agreed or that the survey results are recorded in the survey by the agency at district level and above in the branches of Public Security of Vietnam up.
- c. Bên A đã cung cấp đầy đủ cho Bên B các tài liệu gốc có liên quan đến để xác định số lượng, giá trị của các tài sản bị mất (Căn cứ trên chứng từ kế toán hợp pháp nằm trong hệ thống tài chính kế toán của Bên A tại Việt Nam)/ Party A has fully provided for party B of the original documents related to determine the quantity, the value of the lost property (based on the legal accounting voucher is located in the financial and accounting system of party A in Vietnam).
- d. Trong trường hợp bên B triển khai công tác bảo vệ mà hai bên vì một lý do nào đó không tiến hành xác lập biên bản bàn giao tài sản - hàng hóa thì nếu bên A báo mất tài sản - hàng hóa bên B đã chứng minh không có dấu hiệu đột nhập hoặc thoát ra bên ngoài tường rào, cổng chính thì bên A phải cung cấp những bằng chứng cụ thể và hợp pháp để chứng minh số tài sản - hàng hóa bị mất vào giai đoạn sau thời điểm bên B triển khai và do lỗi của bên B/ In the case of the party B implementates of protection that the two sides for some reason it does not conduct established delivery records of assets-goods, if party A report on the loss of assets-goods but party B proved no signs of intrusion or exit to the outside fence, main entrance, party A must provide concrete and legal evidence to prove assets - goods lost in the period after the time of the party B implementates declaration and fault of party B.
4. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường về những thiệt hại tại khu vực Công ty được giao bảo vệ nếu do lỗi sơ ý, thiếu trách nhiệm hay không thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, để kẻ gian lấy cắp tài sản... của nhân viên bên B gây ra cho bên A/ Party B is responsible for compensation of the damage in the area where was assigned to protection if the fault negligence, the irresponsible or no well perform the task assigned to Crooks steal the property ... of staff party B cause for A party
5. Việc bồi thường được tính theo giá thị trường vào thời điểm xảy ra những thiệt hại. Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được tài liệu kê khai tài sản bị thiệt hại do bên A cung cấp, nếu bên B chưa hoàn tất việc bồi thường thì phải chịu phạt chậm thanh toán với mức phạt được tính bằng 0.05%/ ngày trên số tiền chậm trả tương ứng với số ngày chậm thanh toán/ The compensation is calculated according to the market price at the time of the damage. Within 30 days from receiving the document which declaratates of property damage if party B has not yet completed the compensation shall be subject to a penalty payment delay with the fine is calculated by 0.05%/day on the slow amount paid corresponds to the number of days of delay of payment.
6. Bên B không chịu trách nhiệm bồi thường nếu đã thông báo trước bằng văn bản về những khuyến cáo, hay những điều nguy hiểm đáng nghi ngờ sẽ xảy ra cho bên A mà bên A không khắc phục triệt để. Party B is not responsible for compensation if

they have prior notice in writing of the recommendations, or suspected dangerous thing will happen to Party A and Party A has not completely overcome.

7. Bên B cũng tuyệt đối không bảo vệ cho bất cứ hành vi nào của bên A nếu xét thấy hành vi đó vi phạm pháp luật/ Party B is absolutely no protection for any act of Party A if act violates the Laws.

ĐIỀU 7: NHỮNG THỎA THUẬN KHÁC

ARTICLE 7: THE OTHER AGREEMENTS

1. Bên A cam kết không tuyển dụng bất kỳ nhân viên bảo vệ nào của bên B sang làm việc cho bên A trong khi hai bên chưa chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ;
Party A commits not to recruit any security personnel of party B to work for Party A, while the two parties have not terminated a contract to provide security services
2. Nhân viên của bên B không được phép tiết lộ về công nghệ, kỹ thuật cũng như những thông tin về tài sản hay những bí mật riêng của bên A dưới mọi hình thức cho bất cứ ai;
Party Bs employees are not allowed to disclose the technology, as well as technical information on the property or the secrets of Party A in any form to anyone
3. Cả hai bên có thể chấm dứt hoặc gia hạn hợp đồng trước thời hạn bằng văn bản báo trước cho bên kia 15 ngày kể từ ngày ghi trên hợp đồng. Mỗi bên có quyền đề xuất bằng văn bản việc chấm dứt hợp đồng nếu xét thấy bên kia vi phạm nghiêm trọng nội dung được nêu trong hợp đồng;
Both parties can terminate or renew the contract before the deadline by written notice to the other party 15 days from the date on the contract. Each party has the right to propose in writing to terminate the contract if the other party deems serious violations contents stated in the contract
4. Trước khi thời hạn hợp đồng kết thúc 15 ngày, nếu hai bên vẫn muốn duy trì hợp đồng thì phải gặp nhau để ký hợp đồng mới hoặc ký phụ lục gia hạn hợp đồng đã ký;
Before the contract period ends 15 days, if the two parties still want to maintain the contract must meet to sign a new contract or addendum signed a contract extension signed.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 8: EFFECTIVENESS, AMENDMENT AND TERMINATION OF THE CONTRACT

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
This Contract takes effect as from the signing date.
2. Hợp Đồng này có thể được sửa đổi bằng văn bản giữa các bên.

This Contract may be amended and modified only by a written instrument signed by the parties

3. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

This Contract shall be terminated in the following cases:

a. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng

All obligations herein are completed;

b. Các Bên thoả thuận việc chấm dứt Hợp Đồng này. Trong trường hợp này, cả hai bên sẽ thoả thuận về các điều khoản và điều kiện chấm dứt Hợp Đồng.

The parties mutually agree to terminate this Contract. In this case, the terms or conditions for contract termination shall be agreed by the parties.

ĐIỀU 9: BẢO MẬT

ARTICLE 9: CONFIDENTIALITY

Tất cả trao đổi, thông tin, tài liệu, văn bản, tài liệu và thoả thuận giữa Bên A và Bên B sẽ được coi là tài sản riêng của các bên và sẽ được các bên lưu giữ một cách cẩn mật và mỗi bên chỉ được tiết lộ ra ngoài khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

Any communication, exchange of information and documents and agreements between the parties shall be considered as their private properties and shall be confidential. Any disclosure by a party must be consent in advance by the other party.

ĐIỀU 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE 10: DISPUTE SETTLEMENT

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp Đồng này sẽ được giải quyết trước hết bằng việc thương lượng giữa các bên. Trường hợp thương lượng không đạt hiệu quả, các bên có thể yêu cầu Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết tranh chấp.

Any dispute arising from this Contract shall be settled by negotiation. If failure to negotiate, the parties shall request competent court of Vietnam to settle.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 11: GENERAL TERM

Hợp Đồng này được lập thành hai (02) bộ gốc, mỗi bộ gốc gồm một (01) bản bằng Tiếng Anh và một (01) bản bằng tiếng Việt. Các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bộ.

This Contract shall be made into two (02) sets of originals in English and Vietnamese with the same validation. Each party shall keep one (01) set.



CÔNG TY LUẬT FDVN
Feel free to go with the truth

☑ Số 99, Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, Đà Nẵng
☎ +0935 643 666 ✉ fdvnlawfirm@gmail.com
🌐 fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghe luat.vn

ĐẠI DIỆN BÊN B
PARTY B's REPRESENTATIVE

ĐẠI DIỆN BÊN A
PARTY A's REPRESENTATIVE



LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn